TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 28 – 4 – 2021
V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang

Ông Hồ Thanh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Văn Tý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXX–ST, ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U (U H), sinh năm 1971.

Ông Lê Thanh L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu vực 5, phường Th A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dương Tuyết H1, sinh năm 1961 (có mặt).

Ông Dương Tấn H2, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 5, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị U đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê ThanhLtrình bày:

- Ngày 24/3/2013 vợ chồng H1 ông Dương Tấn H2 có mượn của vợ chồng H1 bà U 10 chỉ vàng 24k loại 9999, khi mượn có lập biên nhận nợ.

- Ngày 03/7/2014 vợ chồng H1 ông Dương Tấn H2 mượn thêm của vợ chồng H1 bà U số tiền 10.000.000 đồng, khi mượn có lập biên nhận nợ.

- Ngày 04/7/2014 vợ chồng H1 ông Dương Tấn H2 mượn thêm của vợ chồng H1 bà U số tiền 16.000.000 đồng, khi mượn có lập biên nhận nợ.

- Ngày nào không nhớ nhưng bà U có mượn dùm vợ chồng H1 ông H2 của bà L S 30.000.000 đồng, đến nay bà U đã trả xong cho bà L S, nhưng vợ chồng H1 ông H2 chưa trả tiền cho bà U, khi mượn tiền ông H2 có lập biên nhận nợ với bà U.

- Ngày nào không nhớ nhưng bà U có cho vợ chồng H1 bà H1 mượn 01 chiếc lắc 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k khi mượn có lập biên nhận nợ.

Từ khi mượn nợ cho đến nay vợ chồng H1 ông H2, bà H1 chưa trả số tiền hay vàng gì cho vợ chồng H1 bà U. Vợ chồng H1 bà U yêu cầu vợ chồng H1 ông H2, bà H1 trả số tiền, vàng còn nợ nhưng ông H2, bà H1 hứa hẹn mà không thực hiện.

Tại phiên tòa, bà U đồng thời là đại diện ủy quyền của ông Lê Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Tuyết H1, ông Dương Tấn H2 trả số tiền còn nợ là 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k trong thời gian sớm nhất, không yêu cầu trả lãi suất.

Bị đơn Dương Tuyết H1 không thống nhất lời trình bày của bà U. Từ năm 2006 vợ chồng H1 bà H1 có mượn tiền ngày của bà Nguyễn Thị U nhiều lần và bà H1 cũng trả lãi cho bà U nhiều lần, đến năm 2013 không có khả năng trả. Nhưng vợ cH1 bà H1 vẫn tiếp tục hỏi vay, mượn của vợ chồng H1 bà U nhiều lần tổng số tiền 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k nhưng sau đó bà H1 có trả lãi cho vợ chồng H1 bà U nhiều lần nhưng bà H1 không nhớ cụ thể số tiền. Nay bà U, ông L yêu cầu bà H1, ông H2 trả số tiền còn nợ 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k thì bà H1 cũng đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và trả cho đến khi hết nợ.

Bị đơn Dương Tấn H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của ông Dương Tấn H2.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị U, Lê Thanh L. Buộc bị đơn Dương Tấn H2, Dương Tuyết H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị U, Lê Thanh L số tiền còn nợ 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Dương Tấn H2, Dương Tuyết H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Đòi lại tài sản", căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Dương Tấn H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Dương Tấn H2.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị U đồng thời là đại diện ủy quyền của ông Lê Thanh L và bị đơn Dương Tuyết H1 cùng thống nhất số tiền, vàng mà ông H2, bà H1 còn nợ của ông Lợi, bà U là 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k. Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được phương thức trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời thừa nhận của bị đơn Dương Tuyết H1 cùng các biên nhận nợ do nguyên đơn ông L, bà U cung cấp. Từ đó có thể khẳng định việc bị đơn ông H2, bà H1 mượn số tiền 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k của nguyên đơn Nguyễn Thị U, Lê Thanh L là có thật. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 *"Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người*

chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người đượcLvề tài sản không có căn cứ pháp luật.”.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay mượn tiền, vàng của bị đơn Dương Tuyết H1, Dương Tấn H2 đối với nguyên đơn Lê Thanh L, Nguyễn Thị U là tự nguyện. Tuy nhiên, từ khi mượn đến nay phía bị đơn Dương Tuyết H1, Dương Tấn H2 chưa trả tiền hay vàng gì cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn Lê Thanh Lợi, Nguyễn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Dương Tuyết H1, Dương Tấn H2 trả số tiền còn nợ 56.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, 20 chỉ 01 phân 09 ly vàng 18k là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn Nguyễn Thị U, Lê Thanh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Giá vàng tại thời điểm Tòa án xét xử đối với 24k loại 9999 có giá 5.173.000 đồng/ 01 chỉ; vàng 18k có giá 3.934.000 đồng/ 01 chỉ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn Dương Tấn H2, Dương Tuyết H1 phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả là 187.157.460 đồng x 5% = 9.357.800 đồng *(Chín triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 166; Điều 494 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh L, Nguyễn Thị U.

2. Buộc bị đơn Dương Tấn H2, Dương Tuyết H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị U, Lê Thanh L số tiền 56.000.000 đồng *(Năm mươi*

sáu triệu đồng) và 10 *(Mười)* chỉ vàng 24k loại 9999, 20 *(Hai mươi)* chỉ 01 *(Một)* phân 09 *(Chín)* ly vàng 18k.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Dương Tấn H2, Dương Tuyết H1 phải chịu nộp 9.357.800 đồng *(Chín triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng).*

Nguyên đơn Nguyễn Thị U, Lê Thanh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.525.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo lai thu số 0005145, lập ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Dương Tấn H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Lil